

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2023/DS-PT
Ngày 18 - 4 - 2023
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chùa B

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Mai Tr (pháp danh Q), sinh năm 1984, chức danh: Trụ trì; Địa chỉ: tổ 4, khu 1, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Phan H (pháp danh M), sinh năm 1962; Địa chỉ: tổ 4, khu 1, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Phùng A M, sinh năm 1959; Địa chỉ: tổ 4, khu 1, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

2/. Anh Phan Thiên Q, sinh năm 1993; Chị Phùng Cẩm Ng, sinh năm 1995; anh Phan Thiên Th, sinh năm 2000; Cùng địa chỉ: tổ 4, khu 1, thôn P, xã T, thị xã

P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt chị Phùng Cẩm Ng; vắng mặt anh Phan Thiên Q, anh Phan Thiên Th)

3/. Bà Lê Thị Kim Th (pháp danh H), sinh năm 1962; Địa chỉ: tổ 4, khu 1, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

4/. Bà Võ Thị Mai Tr (pháp danh Q), sinh năm 1984; Địa chỉ: tổ 4, khu 1, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

5/. Giáo hội Phật giáo tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Địa chỉ: đường H, Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Xuân Th (pháp danh T) - Ủy viên thường trực Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

6/. Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: khu trung tâm hành chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Phan Văn M – Phó Giám đốc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Phan H – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Chùa B trình bày:

Chùa B do bà Võ Thị Mai Tr (pháp danh Q) làm trụ trì khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phan H trả lại diện tích đo đạc thực tế là 824m² thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12, tọa lạc ở xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vị trí đất nằm ở phía sau chánh điện của Chùa B.

Lý do khởi kiện: Chùa B do cố Ni sư Thích Nữ N (Phan Ngọc S) thành lập từ năm 1977 trên thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12, tọa lạc ở xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có diện tích 2.167,2m². Sau khi Ni sư Diệu A viên tịch (chết), ông Phan H là con của cố Ni sư Diệu A đã có đơn đề ngày 01/6/2010 mời sư cô Thích nữ Q (Võ Thị Mai Tr) về làm trụ trì để chăm lo ngôi tam bảo và hướng dẫn Phật tử tu tập. Ông Phan H cũng làm Giấy ủy quyền giao cho Sư cô Thích nữ Q toàn quyền quản lý, lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ sở tôn giáo là Chùa B. Năm 2011, Sư cô Thích nữ Q được Ban trị sự Phật giáo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bổ nhiệm làm trụ trì Chùa B. Năm 2012, Sư cô Thích nữ Q làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 26, tờ bản đồ số 12, tọa lạc ở xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có diện tích 2.167,2m² đứng tên Chùa B (đất cơ sở tôn giáo 1.427,5m², đất trồng cây lâu năm 739,7m²). Cũng năm 2012, phần nhà chùa xây dựng cho các Phật tử nằm ở phía sau chùa bị sập lún, Sư cô Thích nữ Q tiến hành đổ móng nâng nền thì ông Phan H đập phá hết và có những lời xúc phạm đến các Sư cô. Ông Phan H thường xuyên có những hành vi

gây mất trật tự Chùa như mời bạn về nhậu, nuôi gia súc, gia cầm làm ô nhiễm Chùa.

Các tài sản trên đất gồm: cổng sắt, nhà tạm (bếp) diện tích 71,0m², móng đá diện tích 67,6m², móng đá diện tích 76,4m², nhà diện tích 72,7m², nhà ở diện tích 64,3m², nhà vệ sinh diện tích 24,8m², hàng rào lưới B40 và hàng rào bao quanh do bà Lê Thị Kim Th xây từ nguồn tiền cá nhân. Còn tài sản của Chùa bao gồm: Chánh điện, tượng quan âm, tháp, miếu là có sẵn do bà S xây dựng và một số cây trồng khác.

Ngoài ra, qua tìm hiểu thì Chùa B khẳng định ông Phan H không phải là con đẻ, con nuôi của bà S nên không có quyền khởi kiện đòi bà Tr và Chùa B giao trả đất với diện tích 2.167,2m² thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12, tọa lạc ở xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và công trình trên đất.

Theo đơn phản tố và quá trình tố tụng, bị đơn ông Phan H trình bày:

Nguồn gốc diện tích 2.167,2m² thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là do bà Phan Ngọc S (pháp danh Diệu A, pháp hiệu N) nhận chuyển nhượng từ ông Hà T (hiện không rõ địa chỉ) vào năm 1977. Đến năm 1978, bà S đã cất chùa lấy tên Chùa B, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2002 bà S chết không để lại di chúc.

Ngày 06/11/2002, ông H đã làm văn bản khai nhận di sản thừa kế và được UBND huyện T xác nhận là con duy nhất của bà S nhưng chưa kê khai thửa đất trên. Đến năm 2010, ông H làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên thì được biết đã cấp cho chùa B. Ông H khiếu nại Ủy ban nhưng đã được trả lời là hết thời hiệu khiếu nại và hướng dẫn kiện tại Tòa án.

Nay ông H xác nhận, ông H là con và là người thừa kế duy nhất của bà S. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của cho ông H và yêu cầu bà Tr giao trả tài sản là chùa trên đất có diện tích 2.167,2m² thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông đồng ý trả giá trị căn nhà ở cấp 4 cuối đất, căn nhà tạm khác do bà Tr, bà Th xây dựng với số tiền 300.000.000 đồng trong thời hạn 03 năm; các vật kiến trúc khác thì tháo dỡ trả lại đất cho ông H. Đồng thời ông H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 907899 ngày 18/10/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho Chùa B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mai Tr trình bày:

Ngày 01/6/2010, ông Phan H có đơn thỉnh nguyện bà Tr về, đơn có xác nhận của ban đại diện Phật giáo xã T. Đến ngày 12/7/2010, ông H lập ủy quyền cho bà Tr quản lý Chùa và được toàn quyền đứng tên đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chùa B. Giấy ủy quyền trên được lập tại UBND xã T, thị xã P. Ngày 26/7/2011, bà Tr được bổ nhiệm trụ trì Chùa B theo Quyết định số 318/QĐ/BTS của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh. Đến ngày 18/10/2012, Chùa B được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 907899.

Bà Tr khẳng định Chùa B là tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vì trước kia bà Phan Ngọc S đã là sư bà và xây dựng Chùa để tu hành. Nếu đây là cơ sở tư nhân thì không gọi là Chùa mà là cốc, am và người tu chỉ được gọi là cư sĩ. Điều này được thể hiện tại hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Do đất này thuộc quyền sử dụng của Chùa B; bà Tr không đứng tên trên giấy chứng quyền sử dụng đất nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Bà Phùng A M trình bày: Bà M là vợ ông H, thống nhất với trình bày của ông H.

Chị Phùng Cẩm Ng, anh Phan Thiên Q và anh Phan Thiên Th trình bày: Các anh chị là con ông H, hiện đang ở trên đất tranh chấp, cùng thống nhất với trình bày của ông H, không có yêu cầu gì trong vụ án.

Bà Lê Thị Kim Th trình bày: Bà Th là mẹ bà Tr và đang cư ngụ tại Chùa B. Trong quá trình làm phật tử tại Chùa, bà Th đã bỏ ra số tiền 1.200.000.000 đồng để xây dựng, sửa chữa phần đất phía sau của Chùa như: 01 nhà tạm, các móng đá, nhà cấp 4 ở cuối đất, 01 nhà bếp, hàng rào, nhà vệ sinh, sửa chữa cổng chùa, lát sân chùa. Do vậy, bà Th xác định là chùa B là cơ sở tôn giáo hợp pháp, thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam; bà Th yêu cầu ông H phải hoàn trả giá trị công trình mà bà Th đã xây dựng, tương ứng số tiền 1.200.000.000 đồng nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có văn bản số 393/CV/BTS ngày 26/9/2018 như sau:

Về nguồn gốc: Chùa B là cơ sở tôn giáo do cố Ni sư Thích Nữ N thế danh Phan Ngọc S thành lập năm 1978, sau khi cố Ni sư N viên tịch, vào tháng 6/2010 ông Phan H (pháp danh M) là con cố Ni Sư N là người trông coi chùa đã làm đơn thỉnh nguyện mời Sư cô Thích Nữ Q, thế danh Võ Thị Mai Tr về làm trụ trì để chăm lo ngôi tam bảo và hướng dẫn tu tập. Đến ngày 12/7/2010, ông Phan H đã chính thức làm giấy ủy quyền giao cho sư cô Thích Q toàn quản lý, lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tôn giáo và giải quyết mọi hoạt động Phật sự tại Chùa B, xã T.

Căn cứ nội quy, quy định của Giáo hội và pháp luật nhà nước về Luật đất đai đối với cơ sở tôn giáo, diện tích 2.167,2m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc tôn giáo quản lý.

Do vậy, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phan H và yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 2.167,2m² thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trên đất có ngôi chùa B là tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày: Tại thời điểm đề nghị công nhận quyền sử dụng đất vào tháng 6/2012, khu đất có diện tích 2.167,2m²

thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã T do trụ trì của chùa B quản lý và đất sử dụng vào mục đích tôn giáo. Khi cấp giấy, trên đất đã xây dựng các công trình: Chánh điện, tượng quan âm và các công trình khác phục vụ cho tôn giáo và sinh hoạt. Trên cơ sở tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1267/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.167,2m² cho Chùa B sử dụng vào mục đích tôn giáo tại xã T. Như vậy, việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chùa B là đúng trình tự và đúng quy định pháp luật tại thời điểm công nhận và cấp giấy.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Chùa B và đại diện hợp pháp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét thấy bà S là người sáng lập ra Chùa B, ông Phan H có công sức tôn tạo, gìn giữ, bảo quản Chùa B nên đã tự nguyện giao lại diện tích 824m² (có tọa độ 4,5,6,7,8,4) thuộc một phần của thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12, tọa lạc ở xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Phan H quản lý sử dụng. Đồng thời Chùa B tự nguyện hỗ trợ cho ông Phan H số tiền 50.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ Điều 57, khoản 2 Điều 63 Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; khoản 14, 15 Điều 2 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016; khoản 1 Điều 18 Nội quy Ban tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Điều 26, 32, 34, 37, 38 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chùa B, đơn yêu cầu độc lập của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Xác định diện tích đất 2.167,2m² có tọa độ (1, 2, 9,10, 11, 5, 6, 7, 8, 1) thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 12 và các công trình có trên đất tọa lạc tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Chùa B.

Chùa B là cơ sở tôn giáo hợp pháp trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tài sản của Chùa B là tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

2/. Ghi nhận sự tự nguyện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Chùa B giao cho ông Phan H được quyền sử dụng diện tích đất 824m² (trong tổng diện tích đất 2.167,2m²) có tọa độ (5, 6, 7, 8, 5), thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12 và các công trình trên phần đất này tọa lạc tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Phan H được quyền liên hệ tới cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Chùa B tự nguyện hỗ trợ cho ông Phan H số tiền 50.000.000 đồng.

3/. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Kim Th về việc buộc ông Phan H phải bồi thường giá trị tài sản bà Th đã bỏ ra xây dựng là 1.200.000.000 đồng.

4/. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan H về việc buộc Chùa B, bà Võ Thị Mai Tr trả lại diện tích đất 2.167,2m² thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 12 và các tài sản trên đất tọa lạc tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 907899 ngày 18/10/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho Chùa B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Phan H có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan H làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Chùa B do bà Võ Thị Mai Tr đại diện theo pháp luật vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Diện tích đất 2.167,2m² (trong đó có 1.427,5m² đất phi nông nghiệp và 739,7m² đất trồng cây lâu năm) có nguồn gốc do bà Phan Ngọc S khai khẩn và xây cất Chùa để tu hành. Chùa B do tu sĩ Phan Ngọc S (pháp danh Thích Nữ N) thành lập năm 1975, trùng tu năm 1987, tọa lạc tại diện tích đất 2.167,2m² bà S đã khai khẩn trên. Năm 1998, bà S tiến hành kê khai tự viện và tặng ni với tên Tự

viện là Chùa B. Cơ sở Chùa B có tên trong Danh bạ Tự, viện của Ban đại diện Phật giáo huyện T (nay là thị xã P), Ban Trị sự Phật Giáo Việt Nam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Căn cứ theo Điều 57 Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, khoản 1 Điều 18 Nội quy Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam thì Chùa B là cơ sở tôn giáo hợp pháp trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Năm 2002, bà Phan Ngọc S qua đời, để lại cho ông Phan H phụng sự nhang khói cho Chùa. Năm 2010, ông H lập giấy ủy quyền ngày 12/7/2010 ủy quyền cho bà Võ Thị Mai Tr được thay mặt ông H chăm sóc và toàn quyền đứng tên đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đất cho cơ sở tôn giáo. Bà Tr lập hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ghi rõ mục đích sử dụng đất tôn giáo. Ngày 12/6/2012, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 1267/QĐ-UBND công nhận quyền sử dụng 2.167,2m² đất cho Chùa B để sử dụng vào mục đích tôn giáo. Ngày 18/10/2012, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 907899 đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hiện nay trên khuôn viên đất đã xây dựng các công trình Chánh điện, tượng quan âm và các công trình khác phục vụ cho sinh hoạt tôn giáo.

Như vậy, mặc dù đất có nguồn gốc do bà Phan Ngọc S khai khẩn nhưng bà S đã sử dụng để xây Chùa và tiến hành kê khai tự viện để gia nhập vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hiện phần diện tích đất này cũng đã được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chùa B sử dụng vào mục đích tôn giáo. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chùa B, xác định diện tích đất 2.167,2m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Chùa B; bác yêu cầu phản tố của ông Phan H về việc đòi lại quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Trong quá trình xét xử phúc thẩm, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Chùa B tự nguyện giao cho ông Phan H được quyền sử dụng diện tích đất 824m² (trong tổng diện tích đất 2.167,2m²) có tọa độ (5, 6, 7, 8, 5), thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12 và các công trình trên phần đất này tọa lạc tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; đồng thời hỗ trợ cho ông Phan H số tiền 50.000.000 đồng. Đây là ý chí tự nguyện của đương sự trọng vụ án, không trái với quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là đúng quy định pháp luật.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phan H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng Điều 57, khoản 2 Điều 63 Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; khoản 14, 15 Điều 2 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016; khoản 1 Điều 18 Nội quy Ban tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chùa B, đơn yêu cầu độc lập của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Xác định diện tích đất 2.167,2m² có tọa độ (1, 2, 9,10, 11, 5, 6, 7, 8, 1) thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 12 và các công trình có trên đất tọa lạc tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Chùa B.

Chùa B là cơ sở tôn giáo hợp pháp trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tài sản của Chùa B là tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

2/. Ghi nhận sự tự nguyện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Chùa B giao cho ông Phan H được quyền sử dụng diện tích đất 824m² (trong tổng diện tích đất 2.167,2m²) có tọa độ (5, 6, 7, 8, 5), thuộc một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12 và các công trình trên phần đất này tọa lạc tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Phan H được quyền liên hệ tới cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Chùa B tự nguyện hỗ trợ cho ông Phan H số tiền 50.000.000 đồng.

3/. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Kim Th về việc buộc ông Phan H phải bồi thường giá trị tài sản bà Th đã bỏ ra xây dựng là 1.200.000.000 đồng.

4/. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan H về việc buộc Chùa B, bà Võ Thị Mai Tr trả lại diện tích đất 2.167,2m² thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 12 và các tài sản trên đất tọa lạc tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 907899 ngày 18/10/2012 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho Chùa B.

(Vị trí tứ cận của thửa đất đang tranh chấp theo sơ đồ vị trí thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P lập ngày 15/4/2021).

5/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6/. Chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm được thực hiện theo quyết định của bản án sơ thẩm.

7/. Ông Phan H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009880 ngày 12/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

8/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

9/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- ĐS (8);
- Lưu VP(3), HS(2).18b.HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng